

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HS-ST.
Ngày: 31/01/2020.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Xuân Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Anh
2. Ông Huỳnh Bình

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Quang Tuyền – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HS ngày 17/01/2020 đối với bị cáo:

Hồ Văn M (tên thường gọi: Đ), sinh ngày 20 tháng 4 năm 1995; tại: tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú: Tổ 4, Ấp H, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn B, sinh năm: 1971 (còn sống) và bà Lê Thị P, sinh năm: 1977 (bỏ nhà đi từ năm 2000, không rõ ở đâu); gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình và chưa có vợ, con; Tiền án: Không, tiền sự: Có 01 tiền sự (Ngày 08/02/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 15/QĐ-TA với thời hạn là 18 tháng. Ngày 18/01/2019 bị cáo chấp hành xong); Nhân thân: Xấu

(Ngày 09/5/2012 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Hiếp dâm trẻ em” theo Bản án số 253/2012/HS-ST và chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; Đến ngày 11/9/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 63/2012/HS-ST và chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Tổng hợp hình phạt, bị cáo M phải chấp hành hình phạt chung là 06 năm 06 tháng tù. Ngày 09/8/2012 và 17/5/2013, bị cáo đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm của hai bản án. Ngày 13/9/2016, bị cáo M chấp hành xong án phạt tù); Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/11/2019, chuyển tạm giam Theo Lệnh tạm giam số 1992/LTG-CQĐT-HSKTMT ngày 25/11/2019 của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- *Bị hại*: Chị Ngô Lê Hồng N, sinh năm: 1994 (có mặt).

Trú tại: Tổ 9, Ấp M, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

+ Bà Vũ Thị Ng, sinh năm: 1968 (vắng mặt)

Trú tại: Số nhà D715, Tổ 15, Khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Trú tại: Số nhà 489A, Tổ 37, Khu phố N, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng*: Anh Phạm Xuân P, sinh năm: 1975

Trú tại: Tổ 9, Ấp M, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- *Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai*:

+ Ông Trần Gia Song – Chủ tịch Hội đồng (không triệu tập);

+ Ông Nguyễn Trần Phước Lộc – Phó Chủ tịch Hội đồng (không triệu tập);

+ Ông Phan Thanh Đề - Thành viên (không triệu tập);

+ Ông Nguyễn Kim Đồng – Thành viên (không triệu tập);

+ Ông Trương Tấn Lực – Thành viên (không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 8 giờ ngày 08/11/2019, Hồ Văn M điều khiển xe mô tô biển số 60F2 – 837.17 chở bạn tên P (không xác định được lý lịch) đến khu phòng trọ tại Tổ 9, Ấp

M, xã T, huyện V tìm người bạn tên Nam A để mượn tiền nhưng không gặp. Tại đây, P phát hiện nhà của chị Ngô Lê Hồng N, khóa cửa ngoài và không có người trông coi. P bàn với M đột nhập vào nhà chị N để trộm cắp tài sản thì M đồng ý. M cảnh giới, P dùng kim có trong bóp xe cắt khóa cổng và tiếp tục cắt khóa cửa nhà rồi đột nhập vào trong nhà chị N. P thấy 01 tivi hiệu TCL 55 inches liền kêu M vào phụ để gỡ tivi. M đi theo P vào nhà lấy trộm tivi này. Sau khi lấy được tivi, M và P bỏ vào thùng giấy đựng tivi có sẵn trong nhà và đưa ra xe. Sau đó, P trở vào nhà để xem còn tài sản gì nữa không để lấy. Khoảng 05 phút sau P trở ra nói với M là không lấy được tài sản gì khác. M điều khiển xe mô tô chở P ngồi sau ôm tivi trên đến tiệm cầm đồ “NNP” tại Khu phố NA, phường L, thành phố B. Cả hai vào bán tivi này cho anh Nguyễn Văn Q được 3.000.000 đồng. M và P chia nhau mỗi người 1.500.000 đồng tiêu xài hết. Anh Q không biết tivi do M và P trộm cắp nên đã mua và khoảng 03 ngày sau, anh Q bán chiếc tivi này cho một người khác (không rõ lý lịch, địa chỉ).

Anh Phạm Xuân P (nhà ở gần nhà chị N) thấy M và P chở tivi ra khỏi nhà chị Ngô Lê Hồng N khả nghi có trộm cắp tài sản nên điện thoại báo cho chị N biết. Chị N về nhà kiểm tra, phát hiện nhà bị kẻ gian đột nhập lấy trộm tài sản nên đã trình báo với Công an xã T, huyện V. Chị N kê khai tài sản bị mất trộm ngày 08/11/2019 gồm: 01 tivi hiệu TCL 55 inches và 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia C2305 (đã qua sử dụng). Kết quả điều tra M chỉ thừa nhận cùng P lấy trộm 01 tivi hiệu TCL 55 inches, không lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Sony Xperia C2305 như lời khai của chị N. Có thể P lấy điện thoại này mà M không biết.

Kết luận định giá tài sản số 74/KL – ĐGTS ngày 21/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Vĩnh Cửu kết luận giá trị 01 tivi hiệu TCL 55 inches đã qua sử dụng là 5.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô biển số 60F2 – 837.17 M và P làm phương tiện phạm tội. Qua xác minh được biết xe này là tài sản thuộc sở hữu của bà Vũ Thị Ng, sinh năm: 1968 làm chủ sở hữu. Sau khi mua xe, bà Ng giao cho Mạc Như V, sinh năm: 2003 (con của bà Ng) sử dụng. Ngày 08/11/2019, anh V cho M mượn xe sử dụng nhưng không biết M sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện trộm cắp. Đối với chiếc kim P sử dụng cắt khóa cổng và cửa nhà chị N để trộm cắp tài sản, sau khi gây án xong, P mang theo, cơ quan điều tra xác minh chưa được nhân thân, lý lịch nên không thu giữ được.

* Bản Cáo trạng số: 08/CT-VKS-KSHS ngày 14 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Hồ Văn M về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu giữ nguyên quan điểm truy tố, không thay đổi, bổ sung, rút quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Hồ Văn M từ 14 (mười bốn) tháng đến 16 (mười sáu) tháng tù. Buộc bị cáo M phải bồi thường cho bị hại số tiền 7.000.000 đồng như thỏa thuận tại phiên tòa và chịu án phí theo quy định.

* Ý kiến tự bào chữa của bị cáo M: Thống nhất bản luận tội, không có ý kiến gì thêm.

* Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo xin lỗi chị N, sau khi chấp hành xong hình phạt bị cáo sẽ đi làm để lấy tiền bồi thường và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm đoàn tụ với gia đình, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo Hồ Văn M đã khai và thừa nhận hành vi của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, biên bản xác minh hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Hồ Văn M phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng số: 08/CT-VKS-KSHS ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai đã truy tố.

[3]. Bị cáo Hồ Văn M là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác khi chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài, bị cáo cùng với đối tượng P (chưa rõ nhân thân, lý lịch) cố ý chiếm đoạt của chị Ngô Lê Hồng N 01 chiếc tivi hiệu TCL 55 inches có giá trị là 5.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo M tuy là ít nghiêm trọng, nhưng là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự, trị an ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây nên.

[4]. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét: Về nhân thân: bị cáo M có nhân thân xấu thể hiện tại thời điểm phạm tội có 01 tiền sự, đã từng có 02 tiền

án; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, trong quá trình tố tụng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Từ đó Hội đồng xét xử căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo M tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 7.000.000 đồng. Căn cứ Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), buộc bị cáo Hồ Văn M phải bồi thường cho chị Ngô Lê Hồng N số tiền 7.000.000 đồng; Đối với xe mô tô biển số 60F2 – 837.17 là tài sản của bà Vũ Thị Ng đứng tên chủ sở hữu. Bà Ng giao cho Mạc Như V, sinh năm: 2003 (con của bà Ng) sử dụng. Ngày 08/11/2019, anh V cho M mượn xe sử dụng nhưng không biết M sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện trộm cắp nên căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bà Vũ Thị Ng. Đối với chiếc kìm P sử dụng cắt khóa cổng và cửa nhà chị N để trộm cắp tài sản, sau khi gây án xong, P mang theo, cơ quan điều tra xác minh chưa được nhân thân, lý lịch, không thu giữ nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 22, điểm a, f khoản 1 Điều 23, Điều 47 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1 mục I phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Hồ Văn M phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Đối tượng P (chưa rõ nhân thân, lý lịch) có dấu hiệu đồng phạm với bị cáo M trong vụ án này. Cơ quan điều tra xác minh chưa được nhân thân, lý lịch. Hội đồng xét xử kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[8]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 45, 46, 106, 250, 254, 255, 259, 260, 262, khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 269, các Điều 298, 299, 326, 327, 331, 333, 336, 337, 339 và Điều

509 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 1, Điều 4, khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

[1]. Tuyên bố: Bị cáo Hồ Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2]. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm đ khoản 1 Điều 32, Điều 38, 50, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 1 Điều 1, Điều 4 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. Xử phạt: Bị cáo Hồ Văn M 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2019. Căn cứ khoản 1 Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Hồ Văn M để bảo đảm thi hành án.

[3]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), buộc bị cáo Hồ Văn M phải bồi thường cho chị Ngô Lê Hồng N số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng; Căn cứ khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bà Vũ Thị Ng 01 xe mô tô biển số 60F2 – 837.17 (theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 22, điểm a, f khoản 1 Điều 23, Điều 47 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1 mục I phần A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Hồ Văn M phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 350.000 (ba trăm năm mươi ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Hồ Văn M, bị hại chị Ngô Lê Hồng N được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Vũ Thị Ng, anh Nguyễn Văn Q được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- Bị hại (01);
- Người có QLNVLQ đến vụ án (02);
- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND H. Vĩnh Cửu (01);
- Cơ quanĐT CA H. Vĩnh Cửu (01);
- Cơ quan THAHS CA H. Vĩnh Cửu (01);
- Chi cục THADS H. Vĩnh Cửu (01);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(đã ký tên và đóng dấu)

Võ Xuân Sơn